

Số 55/TB-BVĐHYTB

V/v cung cấp báo giá hàng hóa

Hưng Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đại học Y Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hóa chất, vật tư và khí y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đại học Y Thái Bình năm 2025-2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình

Địa chỉ: Số 373 phố Lý Bôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ds Trang, số điện thoại: 098.793.9669

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Bản ký đóng dấu: Gửi về Ds Trang, Khoa Dược, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, Số 373 phố Lý Bôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.

- Bản excel và scan gửi vào gmail: khoaduocbvdytb2022@gmail.com

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: từ 09 giờ 00 phút ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến 09 giờ 00 phút ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Các báo giá được nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 15/11/2025

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm (PL03)

2. Địa điểm cung cấp: tại kho Vật tư y tế, Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, số 373 phố Lý Bôn, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 15 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của Bệnh viện.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

-Tạm ứng: Không áp dụng

- Thanh toán: Thanh toán nhiều lần trên cơ sở hóa đơn, biên bản bàn giao nghiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.



5. Các thông tin khác:

- Kính đề nghị các đơn vị nghiên cứu kỹ các yêu cầu và làm theo hướng dẫn đã nêu tại các phụ lục đính kèm công văn này. (PL1, PL2).

- Lưu ý: Để đánh giá đáp ứng về kỹ thuật của hàng hoá do đơn vị báo giá so với yêu cầu của Bệnh viện, đề nghị các Công ty thực hiện đầy đủ các yêu cầu nêu tại các phụ lục đính kèm công văn. Báo giá không cung cấp đầy đủ theo thông tin yêu cầu tại phụ lục của công văn thì Bệnh viện sẽ không có đủ căn cứ để tổng hợp, xem xét.

- Đề nghị các công ty có nhu cầu báo giá lấy các file mẫu: tại địa chỉ https://drive.google.com/drive/folders/1K3CkPQ-vUJkZef82Tvhgq5nKpc2QDzQp?usp=drive_link hoặc scan QR-Code phía dưới để truy cập.

Bệnh viện Đại học Y Thái Bình trân trọng kính mời quý đơn vị báo giá cho Bệnh viện trong thời gian quy định.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đăng Website BV;
- Hệ thống mạng ĐT quốc gia;
- Lưu: VT, k.Được.



PGS.TS.BS Nguyễn Xuân Bái



PHỤ LỤC 1 MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thông báo số 655/TB-BVĐHYTE ngày 05 tháng 11 năm 2025 của Bệnh viện Đại học Y Thái Bình)

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đại học Y Thái Bình, chúng tôi[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp] báo giá cho Bệnh viện thông tin cụ thể như sau:

1. Báo giá cho các loại hóa chất, vật tư và khí y tế:

Tên phần	STT theo phân	STT TB mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã hiệu/chứng loại/model	Thông số kỹ thuật	Chứng nhận	Phân loại TTB YT	Quy cách đóng gói	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (%)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các dịch vụ liên quan nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VAT VNĐ)	Đơn giá trúng thầu nhất	Tài liệu tham chiếu giá trúng thầu (QĐ số .. ngày tháng năm...)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày kể từ ngày/11/2025 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Tên cán bộ phụ trách khi cần liên hệ: Số điện thoại:

4. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá nêu trong Báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của Pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.
5. Quý đơn vị có thể báo giá một hoặc nhiều mặt hàng. Trường hợp quý đơn vị báo giá thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn Thông số kỹ thuật mời báo giá cần ghi rõ kèm các tài liệu chứng minh để bệnh viện hoàn thiện xây dựng thông số kỹ thuật./.

....., ngày tháng năm 2025
Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 65/TB-BVĐHYTB ngày 15 tháng 11 năm 2025 của BV Đại học Y Thái Bình)

1. Bảng đáp ứng kỹ thuật hàng hóa chào giá

Bảng 1:

Tên phần	STT theo phần	STT TB mời chào giá	Tên hàng hóa	Tính năng, thông số kỹ thuật	Thông số kỹ thuật chào giá	Các điểm không đạt kèm thuyết minh
					Nêu các thông số kỹ thuật của hàng hóa tương ứng với các tính năng kỹ thuật yêu cầu	- Nếu rõ các thông số không đáp ứng của hàng hóa (nếu có) kèm theo thuyết minh lý giải - Trường hợp có công nghệ/giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể

2. Yêu cầu chung về lập báo giá:

Bảng 2:

Thông tin	Chỉ tiêu	Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của Báo giá
Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hóa do Công ty chào so với yêu cầu của Bệnh viện như Bảng 1 tại Phụ lục 02	Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu	Đáp ứng
	Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không có đầy đủ thông tin.	Không đáp ứng

- Bệnh viện đánh giá mức độ đáp kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dựa trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật do - **công ty tự kê khai** - tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Bệnh viện sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.
- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong Phụ lục 03 là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.
- Trường hợp hàng hóa công ty chào **không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về Tính năng, thông số kỹ thuật và/hoặc Chứng nhận và Xuất xứ, Bệnh viện đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá** và ghi rõ các tiêu chí không đáp ứng. Bệnh viện sẽ xem xét tổng thể các tiêu chí và giá chào của công ty. Nếu (các) tiêu chí không đáp ứng không ảnh hưởng quá nhiều đến tính năng, công dụng, chất lượng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.
- Để đảm bảo tính đồng bộ, đề nghị công ty chào giá đầy đủ các danh mục hàng hóa trong 1 phần.
- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả trúng thầu **gần nhất** trong vòng 12 tháng (nếu có) của (các) thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Bệnh viện.
- Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một bảng đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.



PHỤ LỤC 03: BẢNG MÔ TẢ TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA HÀNG HÓA
(kèm theo Thông báo số 6.5.5./TB-BVĐH YTB ngày 01.5.2025 của Bệnh viện Đại học Y Thái Bình)

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
			A. HÓA CHẤT					
			Phần 1: Test chẩn đoán					
Phần 1	1.1	1	Test vi khuẩn HP	Test thử để phát hiện H.pylori có trong bệnh phẩm hoặc trên môi trường cấy. Thành phần: Urea (5mg); Monopotassium phosphate (0.02mg); Disodium phosphate (0.02mg); Phenol red(2.5µg); Agar(6mg); Nước cất (0.25mL) hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Test		Test/túi	6.000
Phần 1	1.2	2	Test thử sốt xuất huyết Dengue NS1 Ag	1. Phát hiện kháng nguyên NS1 trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần của người. 2. Độ nhạy $\geq 92,4\%$ và độ đặc hiệu $\geq 98,4\%$ so với RT-PCR 3. Thành phần: Phức hợp vàng: Keo vàng -pool NS1 kháng dengue đơn dòng chuột , Keo vàng - IgY gà Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY 4. Không cần dung dịch pha loãng. 5. Các mẫu bệnh phẩm huyết tán, nhiễm mỡ, mật và những mẫu có chứa các yếu tố dạng thấp không gây nhiễu cho sản phẩm. 6. 4 tác nhân gây bệnh có tiềm năng gây phản ứng chéo gồm Bệnh viêm não Nhật Bản, Sốt vàng da, Malaria P. falciparum, Malaria P. vivax không ảnh hưởng đến kết quả của test thử. 7. Giới hạn phát hiện các serotype DENV Type 1 $\leq 1.95 \times 10^4$ 1.375 TCID50/ml	Test		Test/túi	500
Phần 1	1.3	3	Test chẩn đoán nhanh HBsAg	1. Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. 2. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: 100% 3. Thành phần: + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng, keo vàng - IgY gà + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44 $\pm$ 0.088 µg) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48 $\pm$ 0.096 µg) 4. Thời gian trả kết quả: ≤ 20 phút 5. Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương ≤ 100 µL; 6. Ngưỡng phát hiện ≤ 2 IU/ml	Test		Test/túi	7.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 1	1.4	4	Test chẩn đoán nhanh HCV	1. Phát hiện kháng thể đặc hiệu kháng HCV trong mẫu huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai. 2. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu $\geq 99.4\%$ so với RT-PCR 3. Thời gian trả kết quả: 5 – 20 phút 4. Thể tích mẫu sử dụng: 10μl với mẫu máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương người 5. Ngưỡng phát hiện ở nồng độ pha loãng gấp ≤ 4096 lần với huyết thanh dương tính kháng Anti-HCV 6. Độ ổn định sau khi mở túi nhôm ít nhất 72 giờ 8. Vạch thử: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp (lõi, NS3, NS4, NS5), vạch chứng: Globulin miễn dịch dễ kháng người. 9. Không có phản ứng chéo với các mẫu Kháng thể HBs, CMV, HIV, Giang mai, Xoắn khuẩn Borrelia burgdorferi, EBV, HTLV, Ký sinh trùng Toxoplasma, Chlamydia, HBsAg, Cúm, Trypanosoma cruzi I /II	Test		Test/túi	7.000
Phần 1	1.5	5	Test nhanh chẩn đoán HIV	1. Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA), phân biệt virus HIV-1 bao gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. 2. Độ nhạy: 100%; Độ đặc hiệu: $\geq 99.8\%$ so với ELISA 3. Nhạy với IgM trong giai đoạn nhiễm bệnh sớm 4. Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: ≤ 10 uL; máu toàn phần: ≤ 20uL 5. Không có phản ứng chéo với các mẫu thăm tách máu, mẫu rối loạn đông máu, mẫu dương tính với kháng thể kháng HCV và mẫu máu phụ nữ mang thai. 6. Thời gian trả kết quả: ≤ 20 phút	Test		Test/túi	7.000
Phần 1	1.6	6	Test nhanh Chlamydia	Mẫu phẩm: Bệnh phẩm cổ tử cung nữ/niệu đạo nam/nước tiểu +Mẫu cổ tử cung nữ: Độ nhạy tương đối: $\geq 97.0\%$ Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 98.3\%$ +Mẫu niệu đạo nam: Độ nhạy tương đối: $\geq 97.7\%$ Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 96.7\%$ +Mẫu nước tiểu nam: Độ nhạy tương đối: $\geq 98.5\%$ Độ đặc hiệu tương đối: $\geq 94.3\%$ -Độ lặp lại: 100%, Độ tái lập: 100%. -Giới hạn phát hiện là ≤ 30ng/mL - Độ ổn định: ổn định trong điều kiện bảo quản 2-30°C -Không phản ứng chéo với các chất: Staphylococcus aureus, Acinetobacter, Group B Streptococcus, Group C Streptococcus, Neisseria gonorrhea... -Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Test		Test/túi	100

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 1	1.7	7	Test nhanh chẩn đoán giang mai	1. Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) kháng <i>Treponema pallidum</i> trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. 2. Độ nhạy: $\geq 99.3\%$ và Độ đặc hiệu: $\geq 99.5\%$ so với TPHA. 3. Test thử được phủ sẵn kháng nguyên <i>Treponema pallidum</i> tái tổ hợp (17kDa, 15 kDa) trên vùng vạch thử. 4. Thời gian trả kết quả: ≤ 20 phút 5. Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: ≤ 10 μL; máu toàn phần: ≤ 20 μL 6. Giới hạn phát hiện: ở ngưỡng pha loãng ≤ 256 lần của mẫu huyết thanh dương tính với giang mai 7. Không có phản ứng chéo với các mẫu HIV, HBV, HCV, HTLV, EBV, CMV, Chlamydia, cúm, ký sinh trùng Toxoplasma, bệnh nhân ung thư, xoắn khuẩn <i>Borrelia burgdorferi</i> IgG/IgM và Trypanosomiasis (T.cruzi I/II).	Test		Test/túi	60
Phần 1	1.8	8	Test thử đường máu mao mạch	Thành phần thuốc thử: hoạt chất (cho 100 que thử). Glucose oxidase (GOD) 300 đơn vị. Potassium ferricyanide 9,0 mg. Vùng đo: $10 - \geq 600$mg/dL ($0.6 - \geq 33.3$ mmol/L). Thể tích mẫu: $< = 0.9$ μL. $\pm$ 10% Thời gian thử nhanh chóng Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Que		Hộp 100 que	6.000
				Phần 2: Hóa chất tẩy rửa và sát khuẩn				
Phần 2	2.1	9	Dung dịch Ortho-Phthaldehyde: 0,55%	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH = 7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : TC EN 14561 hoặc tương đương Nấm, mốc : TC EN 14562 hoặc tương đương Mycobacterium (Trực khuẩn lao): TC EN 14563 hoặc tương đương Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.	lít		Can 5 lít	600
Phần 2	2.2	10	Dung dịch tẩy rửa 5 Enzym	Dung dịch tẩy rửa 5 Enzyme. Thành phần: Enzyme Protease subtilisin: 8,0% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w) hoặc tương đương Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate 8% w/w, C9-11 Ethoxylate... hoặc tương đương Chất chống ăn mòn: Benzotriazole hoặc tương đương Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine hoặc tương đương	Lọ		Can 5 lít	200
Phần 2	2.3	11	Cồn 70 độ	% Cồn 70 ± 2 % Nước tinh khiết 30 ± 2.	lít		Can 20 -30 lít	1.500

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 2	2.4	12	Dung dịch rửa tay phẫu thuật Chlorhexidine Gluconate 4%	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w); Poly(hexamethylene biguanide) hoặc tương đương hydrochloride 0,1 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate hoặc tương đương Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside, Cocamidopropyl Amine Oxide, Cocodithanolamide (CDE)... hoặc tương đương Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium hoặc tương đương Có độ tinh khiết cao, hoàn toàn không bị nhiễm tạp chất, được sử dụng trong phòng thí nghiệm hóa, lý, sinh, môi trường, sinh học, vi sinh, thực phẩm, địa chất, điện tử bán dẫn. Nước tẩy Javel 10-12%.	lít		Can 5 lít	70
Phần 2	2.5	13	Nước cất 2 lần		lít		Can 10 lít	4.000
Phần 2	2.6	14	Nước Zaven		lít		Can 10 lít	750
Phần 2	2.7	15	Chloramin B		kg		thùng 25kg	60
			Phần 3: Hóa chất xét nghiệm, chẩn đoán và các hóa chất khác					
Phần 3	3.1	16	Anti A, Anti B, Anti AB (Huyết thanh mẫu A, AB, B)	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. + Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A-5E10; B-2D7 1,0ml. + Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) B501100 1,0ml. + Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) A500100 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:256$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Kháng thể đơn dòng có dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D BS225 1,0ml. Hiệu giá $\geq 1:128$. Độ đặc hiệu 100%. Độ chính xác 100%. Bảo quản từ 2-8 độ C. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ		Bộ 3 lọ x 10ml	16
Phần 3	3.2	17	Anti D		Lọ		lọ 10ml	4
Phần 3	3.3	18	Cồn tuyệt đối	Hàm lượng Ethanol đạt 99,7%. Dung dịch trong, không màu đóng trong chai nhựa kín, có mùi cồn đặc trưng.	Chai		chai 1 lít	20
Phần 3	3.4	19	Parafin nền hạt tinh khiết	- Thành phần: parafin tinh khiết - Mang lại khả năng cắt mịn, giảm thiểu đứt đoạn hay nhăn lát cắt tế bào. Điểm nóng chảy nằm trong khoảng 52°C - 62°C - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	kg		túi 1kg	4
Phần 3	3.5	20	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. Không có formaldehyde, Vô khuẩn, không phát hiện vi khuẩn Staphylococcus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật khi hiệu <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẫn cảm hoặc rất da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5.	lít		Can 5 lít	280
Phần 3	3.6	21	Gel siêu âm (dạng tuýp)	Gel siêu âm cho chất lượng hình ảnh siêu âm tốt, không gây ăn mòn đầu dò, không chứa formaldehyde, không gây dị ứng, không gây mẫn cảm da Thành phần: hydroxy ethyl cellulose, carbomer. Tuýp 250 ml	tuýp		Tuýp 250ml	4

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 3	3.7	22	Gel bôi trơn	• Gel bôi trơn được sử dụng để bôi trơn nội soi dạ dày, nội soi đại tràng, nội soi trực tràng, bôi trơn âm đạo... đã được tiệt trùng. Nó không gây ra dị ứng, không gây kích ứng da. - Hòa tan được trong nước, dễ dàng làm sạch, không chứa tạp chất, dầu và chất nhờn. Không độc hại và không có mùi hôi. • Thành phần chính: Water; Glycerin; Monopropylen; Glycol; Hydroxyl ethyl cellulose; Methyl; Hydroxybenzoate; Citric Acid	tuýp		82g/tuýp, 40 tuýp/ thùng	170
Phần 3	3.8	23	Dầu Parafil	Dạng lỏng, tinh khiết, không màu, không mùi, bôi trơn và dùng trong y tế	lít		Can 20-30 lít	10
Phần 3	3.9	24	Dầu Parafil (dạng ống)	Thành phần: Parafin: 5ml dạng ống	Ống		Ống 5ml; Hộp 50 ống	50
Phần 3	3.10	25	Parafin (nén)	Dạng sáp thanh trắng, tan chảy ở nhiệt độ 57-58 độ, dùng trong y tế	kg		Bao 50kg	100
Phần 3	3.11	26	Vôi số đa	- Vôi soda y tế hấp thụ CO2 dùng trong gây mê - Cấu tạo từ hỗn hợp gồm: 82.08% Canxi Hydroxit và 3.4% Natri Hydroxit, 14-19% H2O. Không chứa KOH hoặc BaOH - Độ pH ≤ 13.5, độ cứng ≤ 97%, độ ẩm 12-18%, kích thước hạt 4x2mm. mật độ khoảng 75g/100ml - Khả năng ngâm (hấp thụ CO2): 1 kg vôi soda hấp thụ tối thiểu 130L CO2 (26%) - Chỉ thị màu: hạt từ trắng chuyển sang tím khi đạt cân bằng	kg		5kg/can	45
Phần 3	3.12	27	Hoạt chất chống dính	- Sử dụng sau phẫu thuật để làm giảm sự kết dính của mô xung quanh phẫu trường. - Sản phẩm không có tính oxy hóa và độc tính	Bơm tiêm		Bơm tiêm 1, 1ml/ hộp	40
		B	VẬT TƯ và KHÍ Y TẾ					
			Phần 1. Phim y tế các loại					
Phần 1	1.1	1	Phim khô y tế 25x30cm	- Phim khô laser kích cỡ 25x30 cm (10x12 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có mật độ tối đa 3,3 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ từ các nước G7	Tờ	Nhóm nước G7	125 tờ/hộp	20.000
Phần 1	1.2	2	Phim khô Y tế 20x25cm	- Phim khô laser kích cỡ 20x25 cm (8x10 inch), có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có mật độ tối đa 3,3 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ từ các nước G7	Tờ	Nhóm nước G7	125 tờ/hộp	30.000
Phần 1	1.3	3	Phim khô Y tế 35x43cm	- Phim khô laser kích cỡ 35*43cm, có độ phân giải cao, hình ảnh quang nhiệt - Phim được cấu tạo 4 lớp bao gồm: 2 lớp bảo vệ; 1 lớp nhũ tương nhạy sáng và 1 lớp nền polyester - Phim có mật độ tối đa 3,3 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ từ các nước G7	Tờ	Nhóm nước G7	125 tờ/hộp	4.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
			Phần 2. Vật tư máy tán sỏi					
Phần 2	2.1	4	Bộ nong thận	Bộ tán sỏi thận qua da, bao gồm: - Giá đỡ 18Fr - Cây nong thận (que nong) 8Fr, 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr - Kim chọc dò 18G x 20cm - Dây dẫn hướng đầu cong J đường kính 0.035in, dài 80cm Có các cỡ: 16Fr, 18Fr Chiều dài 21cm. Vỏ mềm, hai cánh mềm, có thể bóc tách được. Đầu hút loại 2 kênh Có các kích thước: 6Fr và 7Fr Chiều dài 75cm Có khóa cố định vận xoay, có đánh dấu số, có lỗ sẵn Bộ khăn lấy sỏi qua da, bao gồm: 1 khăn mô kích thước 200x270cm; khăn có băng keo kích thước 80x150cm; 1 khăn gói kích thước 80x90cm; 2 khăn thấm kích thước 30x40cm Rọ lấy sỏi tay cầm trượt 4 cánh Chiều dài: 115cm Có các cỡ: 1.7Fr và 2.2Fr Độ mở rọ 10mm-16mm. Rọ lấy sỏi tay cầm trượt 4 cánh Chất liệu đầu rọ bằng Nitinol hoặc tương đương Chiều dài làm việc 120cm Kích cỡ: 2,5Fr ; Độ mở rọ 17mm Kích thước 0,032 inch Chiều dài 150cm Chất liệu thép không gỉ phủ PTFE hoặc tương đương Kích thước 0,032 inch Chiều dài 150cm Đầu mềm dây dẫn chất liệu Nitinol hoặc tương đương chiều dài 6cm Ống thông niệu quản chữ J Có các kích thước 6Fr, 7Fr Chiều dài 45cm; Có đánh dấu số, có lỗ sẵn, thời gian sử dụng tối đa 2 tháng Đường kính kênh làm việc ngoài: 7,5 Fr Kênh làm việc: 1,2mm Góc uốn: 270° Chiều dài làm việc: 660mm Trường quan sát: 120 độ Thiết kế công kết nối với máy bơm hút, có nút bấm, có khóa cố định, dây xoay 90° Nút điều khiển trên tay cầm: đóng băng hình ảnh và zoom	Bộ		Bộ 4 món	230
Phần 2	2.2	5	Giá đỡ ống soi thận		Cái		cái/ túi	50
Phần 2	2.3	6	Ống thông niệu quản		Cái		cái/ túi	230
Phần 2	2.4	7	Bộ khăn mô thận lấy sỏi qua da		Bộ		Bộ 4 món	230
Phần 2	2.5	8	Rọ lấy sỏi dài 115cm		Cái		cái/ túi	10
Phần 2	2.6	9	Rọ lấy sỏi dài 120cm		Cái		cái/ túi	10
Phần 2	2.7	10	Dây dẫn đường		Cái		cái/ túi	100
Phần 2	2.8	11	Dây dẫn đường vân vàng đầu đen		Cái		cái/ túi	30
Phần 2	2.9	12	Ống thông niệu quản chữ J (Sonde JJ 6Fr, 7Fr)		Cái		cái/ túi	500
Phần 2	2.10	13	Ống soi mềm		Cái		cái/ túi	50

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 2	2.11	14	Giá đỡ ống soi mềm 2 kênh	Giá đỡ ống soi mềm 2 kênh dụng cụ Có các kích cỡ: 10Fr, 11Fr Chiều dài khoảng 36cm (nữ) và khoảng 46cm (nam) Có đánh số và có lỗ sẵn Loại dây dẫn 272µm	Cái		cái/ túi	20
Phần 2	2.12	15	Soi quang Laser (Dây dẫn tia Laser) 272µm	+ Độ dài 3m + Công kết nối SMA 905 hoặc tương đương + Có vỏ bảo vệ, chống nước + Chất liệu lõi: Thủy tinh + Công suất đầu ra lớn nhất có thể truyền qua 40W + Có thể ngâm khử khuẩn được Tương thích với Máy tán sỏi nội soi laser HZ-E của hãng Guangzhou Potent Medical Equipment Joint-Stock Co.,Ltd. Trung Quốc	Cái		cái/ túi	12
Phần 2	2.13	16	Soi quang Laser (Dây dẫn tia Laser) 550 µm	+ Độ dài 3m + Công kết nối SMA 905 SMA 905 hoặc tương đương + Có vỏ bảo vệ, chống nước + Chất liệu lõi: Thủy tinh + Công suất đầu ra lớn nhất có thể truyền qua 100W + Có thể ngâm khử khuẩn được Tương thích với Máy tán sỏi nội soi laser HZ-E của hãng Guangzhou Potent Medical Equipment Joint-Stock Co.,Ltd. Trung Quốc	Cái		cái/ túi	12
Phần 2	2.14	17	Soi quang Laser (Dây dẫn tia Laser) 800µm	+ Độ dài 3m + Công kết nối SMA 905 SMA 905 hoặc tương đương + Có vỏ bảo vệ, chống nước + Chất liệu lõi: Thủy tinh + Công suất đầu ra lớn nhất có thể truyền qua 120W + Có thể ngâm khử khuẩn được Tương thích với Máy tán sỏi nội soi laser HZ-E của hãng Guangzhou Potent Medical Equipment Joint-Stock Co.,Ltd. Trung Quốc	Cái		cái/ túi	12
Phần 3	3.1	18	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Phần 3. Bơm, kim tiêm, dây nối, dây truyền các loại "- Đồng gói kín từng chiếc, vỏ trung, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong ≤0,9 mm - Đường kính ngoài ≤1,9mm - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ ≥ 0,9ml/phút; áp lực ≥ 2 bar - Đầu nối Luer Lock hoặc tương đương, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng)	Cái		cái/ túi	500

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 3	3.2	19	Khóa ba chạc nhựa có dây	- Khóa ba ngã gồm 2 đầu kết nối có nắp vận khóa đóng mở được và khóa luer-lock (Đầu nối khóa ren) - Có dây nối dài 10cm hoặc 25cm, mềm dẻo làm từ nhựa nguyên sinh trong suốt, không chứa độc tố, có khóa chặn dòng. - Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy, góc xoay 360 độ. - Khóa không hở, thông tốt, độ nhay tốt, dễ điều chỉnh - Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) hoặc tương đương - Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 1\text{ml}$ để tiện sử dụng cho trẻ em	Cái		cái/ túi	900
Phần 3	3.3	20	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2\text{ml}$ - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết $\leq 0.03\text{ml}$, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Tiệt trùng bằng khí EO	Cái		cái/ túi	2.000
Phần 3	3.4	21	Bơm tiêm 50ml		Cái		cái/ túi	2.500
Phần 3	3.5	22	Bơm tiêm 10ml		Cái		cái/ túi	130.000
Phần 3	3.6	23	Bơm tiêm 1ml		Cái		cái/ túi	60.000
Phần 3	3.7	24	Bơm tiêm 20ml		Cái		cái/ túi	50.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 3	3.8	25	Bơm tiêm 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gầy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhãn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gầy để hùi, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Kim tiêm dùng được cho tất cả các loại bơm tiêm hoặc dùng để lấy máu, lấy thuốc. Sản phẩm được sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Kích cỡ: 18G;20G; 23G;25G;26G - Kim các cỡ 14G, 16G, 17G, 18G, 20G, 22G, 24G. - Kim bằng thép không gỉ 304, thân kim Styren-butadiene hoặc tương đương - Mũi kim có ba góc vát, độ dày đầu nhọn ≤ 0.05mm, sắc nhọn, silicon phủ đầu kim giảm lực đâm. - Ống thông bền, chống xoắn gấp, có cán quang, có màng lọc PTFE kháng khuẩn hoặc tương đương, có thể lưu trong lòng mạch ≥ 72 giờ - Cổng tiêm truyền có van silicone một chiều và nắp có màu sắc tương ứng với mỗi cỡ kim, phù hợp theo chuẩn quốc tế - Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. CE hoặc tương đương - Bộ kim cánh bướm, cỡ 23G, 25G. Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, không DEHP. - Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. - Được tiệt trùng. Có đầu kết nối - Thân kim làm bằng thép y tế không gỉ cao cấp, kim thẳng, tròn, dẻo, không có độ nhám bề mặt, mũi kim được tự động đánh bóng bằng máy, sắc bén, không gây đau. - Tay cầm kim được cuộn bằng thép không gỉ y tế cao cấp, liên kết giữa thân kim và đầu kim được cố định chắc chắn, đốc kim tròn đều và sát nhau, không sắc cạnh và màu đồng đều. - Kim được đóng gói vô trùng từng cái trong vi nhôm, dùng một lần. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	Cái		cái/ túi	1.000
Phần 3	3.9	26	Bơm tiêm 5ml		Cái		cái/ túi	130.000
Phần 3	3.10	27	Kim lấy thuốc các số		Cái		cái/ túi	60.000
Phần 3	3.11	28	Kim luồn tĩnh mạch các số		Cái		cái/ túi	16.000
Phần 3	3.12	29	Kim cánh bướm các số		Cái		cái/ túi	50.000
Phần 3	3.13	30	Kim châm cứu		Cái		cái/ túi	180.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 3	3.14	31	Kim chọc dò tùy sống các cỡ	- Kim gây tê tùy sống loại 3 mặt vát, đạt chuẩn ISO hoặc CE hoặc tương đương - Kim bằng thép không gỉ, không chứa chất gây sốt (pyrogenic) - Chuôi kim trong suốt giúp phát hiện nhanh dịch nạo tủy chảy ra - Cán lớn, hỗ trợ cầm kim chắc hơn. - Đủ các size 18G; 20G; 22G; 25G; 27G - Tiệt trùng.	Cái		cái/ túi	2.000
Phần 3	3.15	32	Bộ dây truyền dịch	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. TCCL: CE; ISO13485 * Kim sinh thiết bán tự động lấy mẫu từ mô mềm và các tạng (vú, gan, phổi, thận...) * Kim có thể điều chỉnh 2 nấc lấy mẫu: 10mm-20mm * Kim gồm các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G kèm kim đồng trục các cỡ * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	Bộ		cái/ túi	45.000
Phần 3	3.16	33	Kim sinh thiết bán tự động kèm kim đồng trục	* Kim sinh thiết bán tự động lấy mẫu từ mô mềm và các tạng (vú, gan, phổi, thận...) * Kim có thể điều chỉnh 2 nấc lấy mẫu: 10mm-20mm * Kim gồm các cỡ 14G, 16G, 18G, 20G kèm kim đồng trục các cỡ * Tiệt trùng bằng EO * Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái		cái/ túi	60
				Phần 4. Kim, chỉ phẫu thuật, dao mổ các loại				
Phần 4	4.1	34	Kim chích máu	Chất liệu thép không gỉ. Thân có đập gân tăng cứng. Đầu kim sắc nhọn. Tiệt trùng từng chiếc. TC ISO 13485 ; EC hoặc tương đương	Cái		Hộp 200 cái	4
Phần 4	4.2	35	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 2/0	Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene số 2/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi		sợi/gói	24
Phần 4	4.3	36	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 4/0	Số 5/0 2 kim tròn 1/2C, kim 16mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	480
Phần 4	4.4	37	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 5/0	Số 4/0 2 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	284
Phần 4	4.5	38	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0	Số 3/0 2 kim tròn 1/2C, kim 25mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	400
Phần 4	4.6	39	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 7/0	Số 7/0 2 kim tam giác 3/8C, kim 8mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	36

Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 4	4.7	40	Chỉ nylon số 2/0	Số 2/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	500
Phần 4	4.8	41	Chỉ nylon số 3/0	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu diệt trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	500
Phần 4	4.9	42	Chỉ protein hữu cơ 3/0	Số 3/0 kim tam giác 3/8C, kim 24mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là chỉ phẫu thuật tự nhiên đa sợi không tiêu diệt trùng được chiết xuất từ kén tằm (lụa tơ tằm) protein hữu cơ. Chỉ được bền bằng phương pháp đặc biệt giúp tăng độ bền, có thể giữ vết thương trong 3 tháng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	tép		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	810
Phần 4	4.10	43	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liên kim số 1	Số 1 kim tròn 1/2C, kim 40mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	1.500
Phần 4	4.11	44	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liên kim số 2/0	Số 2/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	804
Phần 4	4.12	45	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liên kim số 3/0	Số 3/0 kim tròn 1/2C, kim 26mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	1.220
Phần 4	4.13	46	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liên kim số 4/0	Số 4/0 kim tròn 1/2C, kim 22mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglycolic acid, Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycaprolactone và Calcium stearate (1%). Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60 đến 90 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	488
Phần 4	4.14	47	Chỉ tan tổng hợp đa sợi liên kim số 6/0	Số 6/0 kim tròn 1/2C, kim 13mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu diệt trùng có dùng Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	12

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 4	4.15	48	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi số 5/0	Số 5/0 kim tròn 1/2C, kim 17mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 75cm. Là loại Chỉ phẫu thuật tổng hợp đa sợi tự tiêu tiết trùng có dung Polyglactin 910, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi 1 lớp tổng hợp của Polyglycolid-co-Lactide và Calcium stearate. Chỉ sẽ giảm sức căng khoảng 50% sau 21 ngày cấy ghép và sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56 đến 70 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	36
Phần 4	4.16	49	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm Collagen số 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	60
Phần 4	4.17	50	Chỉ phẫu thuật tiêu chậm Collagen số 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiết trùng độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả	Sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	60
Phần 4	4.18	51	Chỉ phẫu thuật mắt 10.0 Nylon	Số 10/0 2 kim hình thang 1/2C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	sợi		Gói 1 sợi; Hộp 12 sợi	36
Phần 4	4.19	52	Clip titan kẹp mạch máu các cỡ	Clip kẹp mạch máu titan hình chữ V có cấu tạo rãnh hình trái tim giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác giúp tăng tối đa bề mặt tiếp xúc giữa clip và hãm, bỏ hiện tượng rơi clip. - Có lớp đế chống dính đặt lên bất cứ khu vực vô trùng nào. - Cỡ ML: chiều rộng khoảng 5.33mm, chiều cao khoảng 7.51mm, chiều dài clip khi đóng khoảng 9.27mm.	Cái		10 cái/ ví -16 vi/hộp	400
Phần 4	4.20	53	Tay dao điện	Tay dao mổ điện dùng 1 lần với lưỡi dao bằng thép không gỉ. Điều khiển trên tay dao: Điều khiển bằng 2 nút bấm hình Oval: Cắt và đốt. Chiều dài lưỡi dao: 7cm; Đường kính lưỡi dao: 2,36mm. Chiều dài dây cáp: 3m; Chiều dài tay cầm: 170mm; Loại chân cắm: 3 chân tròn.. Tiết trùng bằng khí EO. Đóng gói 1 cái/ túi, bằng túi nhựa PE. Chứng chỉ chất lượng ISO 13485	Cái		01 cái / túi	1.200
Phần 4	4.21	54	Lưỡi dao mổ	Dao sắc. Chất liệu thép các bon, tiết trùng bằng tia gamma, các số 10, 11, 12, 15, 20, 21, 22.	Cái		hộp 100 cái	5.000
Phần 4	4.22	55	Dụng cụ cắt trĩ phương pháp Longo	- Dùng một lần, tránh gây nhiễm chéo - Stapler làm từ titanium hoặc tương đương, phù hợp MRI và sinh học được thiết kế làm giảm chảy máu - Các indicator chỉ dẫn để dễ dàng thực hiện - Thiết kế công thái học - Bộ cắt trĩ gồm các cỡ 32(đường kính ngoài 32±1.5mm); 34(đường kính ngoài 34±1.5mm); 36(đường kính ngoài 36±1.5mm). - Đường kính cắt trong khoảng 22-27 mm - Số lượng ghim 32-34.	Bộ		bộ /hộp	40
Phần 4	4.23	56	Lưới mổ thoát vị bẹn 15x10 cm	Lưới thoát vị đơn sợi, chất liệu lưới là Polypropylene. Kích thước miếng lưới 15cm x 10cm phù hợp giải phẫu, trọng lượng lưới nhẹ 38g/m2 giúp giảm dị vật trên cơ thể bệnh nhân, giảm phản ứng viêm. Kích thước lỗ lưới rộng: 1.5mm, lưới dệt cơ giãn đa chiều.	Cái		cái/ túi	20

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 4	4.24	57	Lưới mổ thoát vị bẹn 6x11 cm	Lưới thoát vị đơn sợi, chất liệu lưới là Polypropylene. Kích thước miếng lưới 6cm x 11cm phù hợp giải phẫu. Trọng lượng lưới nhẹ 38g/m ² giúp giảm di vật trên cơ thể bệnh nhân, giảm phản ứng viêm. Kích thước lỗ lưới rộng: 1.5mm, lưới dệt có giãn đa chiều.	Cái		cái/ túi	20
			Phần 5. Giấy in, ống nghiệm, ống thông, điện cực, đầu côn các loại					
Phần 5	5.1	58	Giấy in siêu âm	Kích thước: 110mm x 20m. Dạng cuộn. Giấy dùng trong y tế, dùng để in hình ảnh siêu âm đen trắng cho các dòng máy in siêu âm của hãng Sony. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. Xuất xứ G7	Cuộn	Nhóm G7	cuộn/ túi	380
Phần 5	5.2	59	Giấy in đo khúc xạ	Giấy in kích thước 57mm x 30m, dạng cuộn. Dùng cho máy in y tế	cuộn		cuộn/ túi	8
Phần 5	5.3	60	Giấy điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần. Kích thước 63mmx30m.	Cuộn		cuộn/ túi	40
Phần 5	5.4	61	Giấy điện tim đa cần	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ/tập Giấy không có dòng kẻ	Tập		143 tờ/tập	1.200
Phần 5	5.5	62	Giấy in nhiệt huyết học	Chiều cao 58mm, đường kính 47mm.	Cuộn		cuộn/ túi	40
Phần 5	5.6	63	Bảng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Bảng keo chỉ thị nhiệt, 24mmx55m, vạch chỉ thị chuyển Trắng ngà sang Nâu sẫm/đen, chứa chất bám dính 10-20%, chất dẻo acrylic polymer 2-5%. Không chứa chì. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn		20 cuộn/thùng	20
Phần 5	5.7	64	Giấy tẩm chất thử	Giấy tẩm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước)	Miếng		500miếng/gói ; 2gói/thùng	10.000
Phần 5	5.8	65	Phiếu định nhóm máu tại giường bệnh	Dùng để định nhóm máu tại giường có in sẵn các ô KT: 35mm x 41mm, dạng hình giọt nước.	Tờ		100 tờ /túi	200
Phần 5	5.9	66	Điện cực tim	Bề mặt tiếp xúc: dạng gel, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao. - Đầu gắn nối với máy: kim loại phủ bạc, truyền tín hiệu chất lượng cao nhất. - Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân.	Cái		50 cái/ túi	13.000
Phần 5	5.10	67	Đầu đo nhãn áp	Đầu đo nhãn áp tương thích máy đo nhãn áp cầm tay Icare (Model TA-01i; TA-011, TA-031)	Cái		túi/cái	100
Phần 5	5.11	68	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	cái		1000 cái/túi	9.000
Phần 5	5.12	69	Đầu côn trắng	Đầu côn trắng dung tích 10 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	cái		1000 cái/túi	2.000
Phần 5	5.13	70	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.	cái		500 cái/túi	6.000

Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá		ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 5	5.14	71	Dây thở oxy		cái		cái/ túi	900
				Được sản xuất từ nhựa PVC y tế nguyên sinh không chứa DEHP. Thành trong lòng ống dây có hình sao trống tắc nghẽn khí oxy khi bị đè bẹp hay gấp. Một đầu dây được gắn phễu đầu còn lại gắn co 2 nhánh mềm. Dây có chiều dài 2200mm mềm mại nhả bóng. Mỗi sợi dây được đóng vào 01 túi. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13458				
Phần 5	5.15	72	Mặt nạ thở oxy		Bộ		bộ/túi	120
				- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2.1m$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun có định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)				
Phần 5	5.16	73	Mặt nạ thở khí dung		Bộ		bộ/túi	200
				Mặt nạ thở khí dung nắp đầy dễ vận và dung tích bình 6cc/8cc. Thiết kế chống tràn ngăn làm mất thuốc ở bất cứ vị trí nào.				
Phần 5	5.17	74	Ống nghiệm nước tiểu		cái		túi 300 ống	5.000
Phần 5	5.18	75	Lọ cấy đờm		Cái		lọ/túi	250
Phần 5	5.19	76	Ống nghiệm nhựa có nắp		Cái		túi 500 ống	20.000
				Luồng khí giữ nguyên vị trí trừ khi có ý định di chuyển				
Phần 5	5.20	77	Ống nội khí quản các số		Cái	Châu Âu	cái/ túi	1.600
				Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp trắng, mới 100%				
Phần 5	5.21	78	Ống chống đông EDTA		Ống		100 ống/01 hộp	88.800
				Được làm từ nhựa PVC cao cấp, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Có các cỡ: từ 2.5 – 10.0. Đạt TC ISO 1348, TC EC hoặc tương đương. Xuất xứ Châu Âu				
Phần 5	5.22	79	Ống chống đông Natricitral 3,2%		Ống		100 ống/01 hộp	16.000
				Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đầy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là EDTA K2 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dung trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống.				
				Nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút (Có nhiều phân tích chất lượng của cơ quan chức năng). Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR).				
				Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước 12x75mm, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đầy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Nắp màu xanh lá cây. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.2%, hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống. Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút, Dung xét nghiệm liên quan đến yếu tố đông máu và tốc độ lắng máu. Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR).				

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 5	5.23	80	Ống Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định. Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR). - Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác	Ống		100 ống/01 hộp	11.000
Phần 5	5.24	81	Ống đo tốc độ máu lắng	- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác	Ống		100 ống/01 hộp	10.000
Phần 5	5.25	82	Ống nghiệm Serum có hạt nhựa 5ml	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE dây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định. Có chứng nhận CE (đạt chuẩn IVDR). * Ống thông tiêu 2 nhánh, loại người lớn, các số 12-30Fr, thể tích bóng $\geq 20\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$, tốc độ dòng cao 130 - 1450ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: $\geq 350\text{ml/phút}$, 18Fr: $\geq 480\text{ml/phút}$	Ống		100 ống/01 hộp	5.000
Phần 5	5.26	83	Sond Foley 2 nhánh các số	- Vật liệu cao su thiên nhiên phù silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước mỗi lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. * Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng	Cái		cái/ túi	1.600
Phần 5	5.27	84	Sond Foley 3 nhánh các số	* Ống thông tiêu 3 nhánh, loại người lớn, các số 16-26Fr, thể tích bóng $\geq 30\text{ml/cc}$ và $\leq 45\text{ml/cc}$, tốc độ dòng cao 240- 1070ml/phút. Một số size thông dụng 16Fr: $\geq 240\text{ml/phút}$, 18Fr: $\geq 300\text{ml/phút}$ - Vật liệu cao su thiên nhiên phù silicone, không chứa DEHP. - Đầu ống có 3 lỗ: 2 lỗ dẫn lưu lớn, kích thước lỗ từ 3-8mm. - Van cứng, dùng được cho cả bơm tiêm đầu luer lock và luer slip. * Sử dụng lên đến 14 ngày. Đóng gói vô trùng * Ống có nắp gắn vào đầu nối chống lấy nhiễm và có cân quang đọc thân ống, vật liệu PVC mềm có độ đàn hồi phù hợp	Cái		cái/ túi	150
Phần 5	5.28	85	Sonde dạ dày các số	* Có 4 lỗ dẫn lưu so le nhau để tăng tốc độ dòng * Có các vạch đánh dấu 45,55,65 và 75cm từ đầu xa * Tương thích với bơm tiêm và nguồn hút kích thước lớn * Kích cỡ: 8FG (OD/ID = 2.65/1.5mm), 10FG (OD/ID = 3.35mm/2.0mm), 12 FG (OD/ID = 4.0mm/2.45mm), 14FG (OD/ID = 4.65mm/2.95mm), 16 FG (OD/ID = 5.35mm/3.40mm), 18FG (OD/ID = 6.0mm/3.9mm). Chiều dài 125cm	Cái		cái/ túi	300

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 5	5.29	86	Sonde hút nhớt không van kiểm soát các cỡ	Dây hút đảm không chứa DEHP, chịu được áp lực hút $\geq 412\text{mmHg}$ (55kPa) trong một lần hút (15 giây) - Có khóa van hoặc đầu nối, mã hóa màu theo kích cỡ. - 8 kích cỡ: 5-6-8-10-12-14-16-18 FG, dài 50cm, có thêm 2 lỗ hút (1.5-6.0mm) ở mặt bên - Đạt chứng nhận lưu hành thuộc G7	Cái		cái/ túi	2.000
Phần 5	5.30	87	Ống thông khí đường kính 1,14mm	Ống thông khí đường kính 1,14 mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	G7	cái/ túi	25
Phần 5	5.31	88	Ống thông khí đường kính 0,76mm	Ống thông khí đường kính 0.76mm, được làm bằng chất liệu nhựa Silicone hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA	Cái	G7	cái/ túi	10
Phần 5	5.32	89	Ống thông khí chữ T (silicone)	Đường kính 1,14 mm; Chất liệu Firm Silicone hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	G7	cái/ túi	10
Phần 5	5.33	90	Dây dẫn lưu trắng silicon	Ống dẫn lưu được làm từ nguyên liệu PVC, mềm, dẻo, có tính đàn hồi cao. Màu trắng tự nhiên. Kích thước: 5ID x 7OD. Tiết trùng EO. • Ống thông tiêu niệu đạo ngắn hạn cho nam giới • Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả	cái		cái/ túi	400
Phần 5	5.34	91	Sonde Nelaton các cỡ	• Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng xác định kích thước • Chiều dài: 40cm • Tiết trùng bằng khí EO TCCL: ISO, CE. Kích thước: các cỡ • Ống thông tiêu niệu đạo ngắn hạn cho nam giới • Ống PVC chống xoắn, mềm mại và mờ. • Đầu ống đóng kín, tròn, mềm không gây tổn thương, với hai mắt bên để thoát nước hiệu quả	Cái		cái/ túi	300
Phần 5	5.35	92	Sonde chữ T các số	• Đầu kết nối được mã hóa theo màu để dễ dàng xác định kích thước • Chiều dài: 40cm • Tiết trùng bằng khí EO. TCCL: ISO, CE • Kích thước các cỡ	cái		cái/ túi	20
Phần 5	5.36	93	Ống thổi	Ống thổi giấy phù hợp với các loại máy đo chức năng hô hấp. Phi 24- Đường kính 24mm, chiều dài 75mm; Chất liệu: Giấy	Cái		1 cái/gói	600
Phần 5	5.37	94	Túi Camera nội soi	Túi camera vô trùng dùng trong phòng mổ	Túi		1 cái/gói	3.000
Phần 5	5.38	95	Túi nước tiểu có nút xả	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC - Kích cỡ 2000ml, phân vạch rõ ràng. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có van chống trào ngược - Thân túi có thể ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân - Sản phẩm được tiết trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	cái		cái/ túi	2.500

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
			Phần 6. Bông, băng, gạc, găng tay, khẩu trang các loại					
Phần 6	6.1	96	Miếng cầm máu mũi	Phù hợp trong phẫu thuật hốc mũi, kích thước 8cm x 1,5 cm x 2 cm (Dài x Dày x Cao). Thành phần: Hydroxylated Poly-Vinyl Acetate. Được làm từ vật liệu cho phép giãn nở ra khi nhúng trong dung dịch lỏng để tạo nên một cấu trúc mềm, xốp và dễ thấm nước. Có tính tương thích mô cao, dễ thấm, đàn hồi tốt, dễ định hình khi ngâm nước, ôm sát cấu trúc giải phẫu và không gây chèn ép các mô lân cận. Có thể cắt nhỏ theo nhu cầu sử dụng. Có khả năng tương thích sinh học và cầm máu	Cái		cái/túi	150
Phần 6	6.2	97	Sáp cầm máu xương	Sáp cầm máu xương được làm từ sáp ong tự nhiên, tương thích mô cao. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái/ miếng		miếng/túi	100
Phần 6	6.3	98	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10x20cm	Vật liệu cầm máu Cellulose oxi hóa tái tổ hợp kích thước khoảng 10cm x 20cm. Cấu trúc liên kết mỏng nhẹ, dễ gấp và dễ cắt. Cầm máu nhanh chóng và hiệu quả. Vật liệu cầm máu còn có khả năng hạn chế phát triển vi khuẩn. Tự tiêu 7-14 ngày trong cơ thể. Tiệt trùng bằng tia Gamma hoặc tương đương. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Miếng		miếng/túi	60
Phần 6	6.4	99	Xốp cầm máu tự tiêu 30mmx320mmx10m	Xốp cầm máu tự tiêu dùng trong phẫu thuật kích thước 30mmx320mmx10mm	Miếng		miếng/túi	100
Phần 6	6.5	100	Bông ép sọ não	• Bông hút nước (100% cotton), màu trắng, không bụi bẩn. • Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. • Tốc độ hút nước $\leq 10s$. • Độ acid bazơ: trung tính. • Chất tan trong ether: $\leq 0,5\%$ • Độ ẩm: $\leq 8\%$ • Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. • Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. • Kích thước: 1,5cm x 5cm • Quy cách: 10 cái/ gói. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. • Tiệt trùng bằng khí EO Gas	Cái/ miếng		miếng/túi	100
Phần 6	6.6	101	Băng cuộn y tế	Tiêu chuẩn đạt được của sản phẩm: CE-ISO Kích thước: 5cm x 5m. Gạc dạng cuộn được làm từ vải dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao., không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Đạt tiêu chuẩn ISO	Cuộn		20 cuộn/gói	2.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 6	6.7	102	Bảng dính cá nhân y tế 2x6cm	Lớp nền : Sợi vải dẫn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo kết dính nóng chảy: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin, Titanium dioxide, Kẽm dibutyl diethiocarbamate,... Độ nhớt 6,600 – 10,600 cP. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25% Polypropylene/Polyethylene, khả năng thấm hút > 500% - Lớp chống dính : Polyethylene - Tiêu chuẩn CE	hộp		Hộp 102 miếng	700
Phần 6	6.8	103	Bảng dính lụa 5cmx5m	Bảng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng. Bờ rãnh cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước: 5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn		Hộp 01 cuộn;	3.000
Phần 6	6.9	104	Bảng thun ba móc 1.5cm x 4,5cm	Sản phẩm được làm từ sợi cotton se tròn hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. Sợi mảnh, mềm, đàn hồi tốt. Dùng để cố định các khớp xương, bong gân.... • Độ bền kéo theo chiều dài cuộn: ≥ 400 N • Độ đàn hồi tại thời điểm lực lớn nhất: $\geq 400\%$ • Bảng màu trắng đến trắng ngà, không lẫn các sợi khác và các tạp chất cứng, vải mềm mịn, có độ đàn hồi cao. Bảng thoáng mát, dễ chịu. • Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng. • Có 3 móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. Kích thước: 15x4,5cm Đạt tiêu chuẩn ISO: CE	Cuộn		1 cuộn/gói	2.000
Phần 6	6.10	105	Bột bó 10 x 3,6 m	Làm từ bột thạch cao $\geq 97\%$. Gạc 100% Cotton. Khối lượng của thạch cao 400g/m ² – 420g/m ² , Khối lượng gạc 28g/m ² --- 29g/m ² . Thời gian ngâm nước 4s --- 5s, Vò là giấy bạc chống ẩm, lõi nhựa 4 cạnh, 2 cạnh phình to ở giữa Thời gian đông kết từ 2-4 phút, rộng 10cm, chiều dài = 365cm Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, chất liệu mềm mịn, có màu trắng đồng nhất. • Không mùi, không có bụi bẩn, sơ sợi lạ, không dính tạp chất. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. • Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. • Độ ẩm: 5-6.5%. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5% • Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. • Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. • Kích thước: 7,5cm x 7,5cm x 6 lớp vỏ trùng, • Quy cách: 10 cái/gói; Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng dùng trong y tế. • Tiết trùng bằng khí EO Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO: CE	Cuộn		cuộn/túi	1.300
Phần 6	6.11	106	Gạc phẫu thuật không dệt 7.5x7.5x6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước ≥ 5 gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 80\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Khối lượng: 0.8m. Quy cách: 100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện - Đạt tiêu chuẩn ISO: CE	Cái		10 cái/gói	6.000
Phần 6	6.12	107	Gạc hút y tế		Mét		100 mét/ tệp, 1000 mét/ kiện	50.000

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục môi chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 6	6.13	108	BÓNG thắm	Thành phần: 100% sợi cotton từ bông xơ tự nhiên. Bông hút nước được chẻ từ lông của hạt cây Bông, đã loại mỡ, làm to, các thứ bông xếp theo một chiều. Sợi mảnh, mềm, không có lẫn các mảnh lá hoặc vỏ hạt. Bông được tẩy trắng bằng công nghệ Hydrogen peroxide thân thiện với môi trường. - Ngoại quan: Dạng cuộn, không ẩm ướt, sợi chắc, mịn; Không mùi lạ; Màu sắc hoàn toàn trắng, màu trắng tự nhiên; thấm hút tốt. Không có tạp chất, chỉ có sợi bông, không để lại tơ gòn khi sử dụng trên người bệnh. - Đóng gói: 1 kg/gói - Giới hạn acid - kiềm: Đạt trung tính (Cà hai dung dịch không có màu hồng) - Chất hoạt động bề mặt: < 2mm - Tốc độ chìm: < 8s; Khả năng hút nước: >100g; Các sợi khác: Không tìm thấy sợi nào bị nhuộm màu - Phát quang: Đạt (Không có sợi màu xanh lam đậm) - Chất màu chiết được: Đạt theo yêu cầu Dược Điển Việt Nam V - Chất tan trong ether: không quá 0,5%; Chất tan trong nước: không quá 0,5%; Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8,0%; Tro sunfat: không quá 0.4% - Định tính: ngâm dung dịch kẽm clorua-iod -> Sợi chuyển qua màu tím - Đạt tiêu chuẩn ISO Làm bằng latex tự nhiên, trong mờ, không màu, không mùi. Chiều dài: ≥ 170 mm; Chiều rộng: $52 \text{ mm} \pm 2 \text{ mm}$. Độ dày: $0,065 \text{ mm} \pm 0,015 \text{ mm}$. Độ nhớt: 200-350 CS. Tiêu chuẩn sản xuất ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: $\geq 7,0 \text{ N}$, sau già hóa: $\geq 6,0 \text{ N}$. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%, sau già hóa: 500%. Lượng bột: $\leq 10 \text{ mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu\text{g/dm}^2$. Sản xuất từ cao su thiên nhiên, có phủ bột chống dính, không gây kích ứng da, có cỡ S và M. Thuận cho cả tay trái và tay phải, chiều dài min 220mm. Độ dày tối thiểu 1 lớp áp dụng cho các cỡ: 0,08mm. Lực kéo đứt tối thiểu trước già hóa: $\geq 7,0 \text{ N}$, sau già hóa: $\geq 6,0 \text{ N}$. Độ giãn dài tối thiểu khi đứt trước già hóa: 650%, sau già hóa: 500%. Lượng bột: $\leq 10 \text{ mg/dm}^2$. Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu\text{g/dm}^2$. Khẩu trang có các nếp gấp hình chữ V có tác dụng ôm kín khuôn mặt khi đeo. Khẩu trang y tế AN95 đạt theo tiêu chuẩn NIOSH 42 CFR 84. Hiệu lực lọc $\geq 96\%$ đối với NaCl trung bình kích thước $0,075 \pm 0,020 \mu\text{m}$; trở lực hô hấp $\leq 30 \text{ mmH}_2\text{O}$. - Hiệu quả lọc vi khuẩn- BFE theo BS EN 14683: 2019 đạt 99,99% - Độ vô khuẩn bằng phương pháp thử BS EN 14683: 2019 đạt KPH (LOD : 1 CFU/g) - Khả năng kháng tia máu nhân tạo đạt tiêu chuẩn ISO 22609 : 2004. Quy cách: 1 cái/ gói. Sản phẩm chứa trong bao bì giấy tiết trùng dùng trong y tế. Tiết trùng bằng EO,Gas. Đạt vô khuẩn đạt theo tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam	kg		1Kg/ gói	450
Phần 6	6.14	109	Bao cao su		cái		cái/túi	1.000
Phần 6	6.15	110	Găng khám cổ dài		đôi		50 đôi/hộp	4.000
Phần 6	6.16	111	Găng khám		đôi		01 đôi/ túi;	150.000
Phần 6	6.17	112	Khẩu trang N95		cái		cái/túi	80

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 6	6.18	113	Mũ giấy	Mũ dạng xếp. Độ co giãn tốt. Màu xanh đồng đều, không loang bần, ko dính tạp chất. Không kích ứng da. Tiết trùng	cái		1 cái /gói,	10.000
Phần 6	6.19	114	Khẩu trang y tế 4 lớp	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương. 4 lớp kháng khuẩn. Thanh nẹp mũi bằng nhựa hoặc kim loại để điều chỉnh. Tác dụng kẹp khít khẩu trang trên sống mũi, giúp khẩu trang ôm sát mặt. Dây đeo: dây thun mềm, có độ đàn hồi tốt.	cái		Hộp 50 cái	10.000
Phần 6	6.20	115	Lam kính	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước: 25.4 x 76.2mm(1" x 3") ±1mm.	cái		Hộp 72 cái	4.608
Phần 6	6.21	116	Lam men	Làm bằng thủy tinh siêu trong suốt nước tiêu và vi sinh - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Kích thước (22x22) mm, độ dày #1.0: 0.13-0.16mm	hộp		Hộp 100 cái	20
Phần 6	6.22	117	Vòng đeo tay màu đỏ	Vòng đeo cổ tay ghi thông tin người bệnh bằng nhựa có màu đỏ	cái		Hộp 100 cái	6.000
Phần 6	6.23	118	Vòng đeo tay màu xanh	Vòng đeo cổ tay ghi thông tin người bệnh bằng nhựa có màu xanh	cái		Hộp 100 cái	1.000
Phần 7. Vật tư cột sống								
Phần 7	7.1	119	Vít đa trục lưng	- Vật liệu: Hợp kim Titanium hoặc tương đương - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 25 - 60mm: - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu là 13.13mm	cái		Cái/túi	240
Phần 7	7.2	120	Ốc khóa trong cho bộ nẹp vít lưng	- Vật liệu: hợp kim Titanium hoặc tương đương - Tự gây khi vận đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn ISO ,FDA.	cái		Cái/túi	240

Tên phần	STT theo phần	STT TB chào giá	Tên phần/ Tên danh mục mời chào giá	Tính năng, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT tham khảo	Yêu cầu xuất xứ (nếu có)	Quy cách đóng gói tham khảo	Số lượng
Phần 7	7.3	121	Nẹp dọc lưng	- Nẹp dọc mềm đường kính 5,5mm; - Chất liệu hợp kim Titanium hoặc tương đương - Dài 508mm, trong đó 500mm hình trụ tròn và đầu 8mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Nẹp dọc đồng bộ với vít đa trục/ đơn trục và vít khóa trong tự gậy - Đạt tiêu chuẩn ISO ,FDA	cái		Cái/túi	50
Phần 7	7.4	122	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại thẳng	- Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng dạng thẳng - Vật liệu: PEEK hoặc tương đương - Hình viên đạn lồi, có rãnh 2 bên để chống trượt. - Số điểm đánh dấu căn quang: 3 điểm làm bằng Tantalum - Chiều dài: 22mm; 26mm - Chiều cao từ 6mm; 7mm, 8mm, 9mm; 10mm; 11mm; 12mm; 13mm, 14mm; 15mm; 16mm - Chiều rộng: 10mm - Khoảng ghép xương từ: 0.32 - 1.19cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485,FDA	cái		Cái/túi	20
			Phần 8. Khí Y tế					
Phần 8	8.1	123	Khí CO2	CO2 y tế dạng khí nạp trong bình 40 lít. Thành phần khí CO2 $\geq 99,5\%$	bình		(40 lít/bình)	60
Phần 8	8.2	124	Khí Oxy	Oxy y tế dạng khí nạp trong bình 40 lít. Khí nén trong chai đáp ứng tiêu chuẩn y tế, độ tinh khiết $\geq 99,5\%$;	bình		(40 lít/bình)	1.500

Ghi chú:

- Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu, nhà cung cấp có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.
- Bất kỳ tên thương hiệu/mã kỹ hiệu nếu có tại Phụ lục này chỉ mang tính minh họa các tiêu chuẩn chất lượng tính năng kỹ thuật
- Số lượng các danh mục mời thầu có thể thay đổi tăng giảm không quá 50% so với số lượng mời chào giá.